

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH**

--- * ---

Bản án số: **06/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-3-2022

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Khắc Hoàn; 2. Bà Vũ Thị Thanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Viện- Chức vụ: Kiểm sát viên.

- Ngày 23/3/2022 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 07/3/2022 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị A** sinh năm 1984
Nơi cư trú: thôn E, xã D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B** sinh năm 1984
Nơi cư trú: thôn E, xã D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Đào Thị A trình bày:
Chị Đào Thị A và anh Nguyễn Văn B kết hôn năm 2005, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn cuộc sống bình thường, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát từ đầu năm 2019, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ nhau và một phần do anh B có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Do đó, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, kéo dài, vì thế chị A đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai người đã ly thân nhau từ tháng 9/2020, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm của chị A với anh B không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- *Về con chung*: Chị Đào Thị A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 con chung là Nguyễn Thùy G, sinh ngày 15/10/2006, Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2008, Nguyễn Nhật I, sinh ngày 18/11/2012. Quan điểm của chị A khi ly hôn chị nhận nuôi cả 03 con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị A và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày*: Anh thừa nhận toàn bộ quá trình tìm hiểu và kết hôn đúng như chị A trình bày. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng do dịch bệnh Covid ngày càng phức tạp và công việc anh đi làm ăn xa nhà bận, thường xuyên phải vắng nhà không có điều kiện quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con, chính vì thế mà chị A nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng nhất khoảng tháng 9/2020 chị A bế con về nhà bố mẹ đẻ ở không quan tâm đến gia đình chồng. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương hoà giải nhưng không có kết quả. Nay chị A có đơn xin ly hôn anh, anh không muốn ly hôn. Tuy nhiên chị A kiên quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn chị A. Nhưng vì công việc anh không thể về giải quyết khi xét xử. Do đó, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

- *Về con chung*: Anh B xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 con chung là Nguyễn Thùy G, sinh ngày 15/10/2006, Nguyễn H, sinh ngày 11/9/2008, Nguyễn Nhật I, sinh ngày 18/11/2012. Quan điểm của chị A khi ly hôn chị nhận nuôi cả 03 con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí vì anh không muốn tách rời các con chung ra.

- *Về tài sản chung*: Anh B xác nhận trong quá trình chung sống hai người có tạo dựng được khoản tiền mặt là 800.000.000 đồng, trong đó có 400.000.000 đồng là tiền vợ chồng tiết kiệm mà có và 400.000.000 đồng chị A lấy của bố mẹ anh. Anh B đồng ý để chị A sử dụng chi tiêu cho các con chung ăn học nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại các biên bản xác minh ngày 17/01/2022 ông Nguyễn Văn K - trưởng thôn E, xã D, thị xã C cho biết: anh B và chị A có kết hôn hợp pháp, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã C. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng và anh B thường xuyên đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà, chị A nghi ngờ anh B có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ nhau, có lúc còn xảy ra xô sát, hiện tại hai người ly thân nhau từ khoảng tháng 9/2020 không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó, chị A đã làm đơn xin ly hôn anh B địa phương cũng đã nắm được tình hình. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết cho họ được ly hôn.

- *Về con chung*: trong quá trình chung sống hai người sinh được 03 con chung là Nguyễn Thùy G, sinh ngày 15/10/2006, Nguyễn H, sinh ngày 11/9/2008, Nguyễn Nhật I, sinh ngày 18/11/2012. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật và điều kiện của mỗi người để giao con chung cho phù hợp.

- Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83- Luật Hôn nhân gia đình.

Về tình cảm: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thị A. Xử cho chị Đào Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: đề nghị HĐXX giao cả 03 con chung là Nguyễn Thùy G, sinh ngày 15/10/2006, Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2008, Nguyễn Nhật I, sinh ngày 18/11/2012 cho chị Đào Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Ngày 09/12/2021, người khởi kiện là chị Đào Thị A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197- Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 20/11/2021, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28; Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Văn B có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh.

[2] *Về tình cảm*: Chị Đào Thị A và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 10/10/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng, có lúc xảy ra xô xát vợ chồng,

anh B thường đi làm ăn xa nhà không quan tâm đến gia đình vợ, con chính vì thế chị A nghi ngờ anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, khoảng tháng 09/2020 chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai người đã ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó, chị A thấy không còn tình cảm với Vốn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn anh B là hoàn toàn có cơ sở.

- Đối với anh B không có mặt tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình nhưng anh B có quan điểm thể hiện qua bản tự khai và đơn xin xử án vắng mặt của anh B, trong quá trình Tòa án làm việc thu thập chứng cứ và tại chính quyền địa phương nơi anh B, chị A chung sống đều thể hiện hai người kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ nhau, hiện tại hai người đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa, mặc dù được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả.

Do đó, xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị A là hoàn toàn chính đáng phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56- Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị A.

[3]*Về con chung*: Các đương sự có 03 con chung là Nguyễn Thùy G, sinh ngày 15/10/2006, Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2008, Nguyễn Nhật I, sinh ngày 18/11/2012. Trong quá trình giải quyết cả hai đương sự đều thỏa thuận giao cả 03 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả 03 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]*Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]*Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm nguyên đơn chị Đào Thị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Về các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Đào Thị A.

Xử: Chị Đào Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: giao cả 03 con chung là Nguyễn Thùy G, sinh ngày 15/10/2006, Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2008, Nguyễn Nhật I, sinh ngày 18/11/2012 cho chị Đào Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Đào Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010561 ngày 21/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- TAND; VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS; Chi cục THADS Tx C.
- Các đương sự.
- UBND xã D.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên

Nguyễn Chí Mạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Khắc Hoàn - Vũ Thị Thanh

Nguyễn Chí Mạnh

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Tuyết Bắc Đỗ Thị Kim Chinh

Nguyễn Chí Mạnh

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS thị xã Quảng Yên.
- T.H.A DS
- Các đ-ơng sự.
- UBND xã Sông khoai
- L- u hồ sơ; VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên**

Nguyễn Chí Mạnh

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TOÀ**

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN

**Vũ Thị Thanh
Mạnh**

Nguyễn Hoàng

Nguyễn Chí

